

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc cho thuê quỹ đất ngắn hạn các cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng – 01.T10.2026**

Để khai thác hiệu quả các cơ sở nhà, đất đang được giao quản lý, phục vụ nhu cầu thực tế của các tổ chức, cá nhân. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng thông báo và triển khai cho thuê ngắn hạn đối với các cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

**1. Mục đích sử dụng:** Mục đích cụ thể theo từng vị trí cơ sở nhà, đất tại Bảng thông tin chi tiết kèm theo Thông báo này.

**2. Thời hạn cho thuê:** 60 tháng

**3. Điều kiện về đối tượng đăng ký tham gia thuê đất**

- Người được tham gia thuê đất ngắn hạn là tổ chức, cá nhân phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

+ Đối với tổ chức: phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

+ Đối với cá nhân: phải từ đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

- Các trường hợp không được đăng ký tham gia thuê đất ngắn hạn:

+ Người không có năng lực hành vi dân sự; người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

+ Tổ chức, cá nhân đang nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê nhà, đất của Nhà nước; đang trong thời gian bị từ chối tiếp nhận hồ sơ tham gia thuê đất ngắn hạn theo Thông báo của Trung tâm Phát triển quỹ đất (do bỏ cọc hoặc vi phạm hợp đồng và bị chấm dứt Hợp đồng từ 02 lần liên tiếp của bất kỳ khu đất nào trong thời gian 12 tháng); hoặc chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng.

**4. Điều kiện về đăng ký thuê cơ sở nhà, đất**

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê đất **cần đọc kỹ hướng dẫn thuê cơ sở nhà, đất; dự thảo Hợp đồng; các cam kết trong đơn đề nghị thuê cơ sở nhà, đất** kèm theo Thông báo này để thực hiện đăng ký và nộp hồ sơ đảm bảo đúng, đủ theo quy

định. Người nộp tham gia thuê cơ sở nhà, đất ngắn hạn phải ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trong đơn. Trung tâm Phát triển quỹ đất không chịu trách nhiệm đối với mọi sai sót dẫn đến hồ sơ không hợp lệ (không ghi rõ ràng, ghi thiếu, nhầm lẫn,...); không có, hoặc thiếu, hoặc sai thông tin chuyển trả tiền đặt cọc cho người không được lựa chọn và các vướng mắc phát sinh từ phía tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê đất (nếu có).

- Việc nộp đơn đề nghị cho thuê cơ sở nhà, đất ngắn hạn sau khi hoàn thành việc nộp tiền đặt cọc, thành phần hồ sơ không có chứng từ nộp tiền đặt cọc được xem là hồ sơ không hợp lệ.

### 5. Nộp tiền đặt cọc

Tiền đặt cọc là tiền đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình được quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; không khấu trừ vào tiền thuê đất; được tính bằng 10% tổng giá trị tiền thuê đất tính theo giá khởi điểm cho toàn bộ diện tích và thời gian thuê của cơ sở nhà, đất cho thuê ngắn hạn.

Các tổ chức, cá nhân tham gia nộp tiền đặt cọc theo thông báo, cụ thể:

- Tên đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng.
- Số tài khoản: 52556868 tại Ngân hàng TMCP VietinBank – Chi nhánh Sông Hàn.
- Nội dung nộp tiền: Tên người nộp + số CCCD hoặc MST + Nộp tiền đặt cọc + cơ sở nhà, đất đăng ký thuê ngắn hạn.

*Ví dụ: Nguyễn Văn A hoặc Công ty B 0123456789 nộp tiền đặt cọc cơ sở..., phường...*

### 6. Hình thức nộp:

Tổ chức, cá nhân tự niêm phong hồ sơ và bỏ trực tiếp vào thùng hồ sơ niêm phong. Hồ sơ phải kèm theo chứng từ nộp tiền đặt cọc; trường hợp hồ sơ không có chứng từ nộp tiền đặt cọc kèm theo thì hồ sơ được xem là không hợp lệ.

Một tổ chức, cá nhân được quyền tham gia và nộp hồ sơ với nhiều khu đất trong danh mục nhưng một khu đất chỉ được nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký. Khi lập hồ sơ, vui lòng đọc kỹ và thực hiện đầy đủ hướng dẫn và các quy định có liên quan (nếu có); đồng thời ghi đầy đủ, chính xác và tự chịu trách nhiệm về các thông tin điền trong Đơn đề nghị thuê cơ sở nhà, đất, bao gồm:

- + Thông tin liên hệ (địa chỉ, số điện thoại).
- + Đơn giá thuê (ghi bằng số và bằng chữ, đảm bảo thống nhất).

+ Thông tin tài khoản nhận hoàn trả tiền đặt cọc (trường hợp không được lựa chọn).

+ Giá thuê phải tính theo đơn vị: **đồng/m<sup>2</sup> đất/năm**

## **7. Địa điểm phát hành và tiếp nhận hồ sơ:**

### **7.1. Phòng Đấu giá và Giá đất**

- Địa chỉ: 147 Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 02363.655.655

### **7.2 TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 2**

- Địa chỉ: 02 Hoàng Bình Chính, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0914.226.292

### **7.3 TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 4**

- Địa chỉ: Ngã ba đường Dương Lâm 1 và Dương Lâm 3, thôn Hòa Phong, xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0905.026.556

### **7.4. TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 5**

- Địa chỉ: 300 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 02363.640.123

### **7.5. TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 6**

- Địa chỉ: 451 Trần Hưng Đạo, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0935.540.210

### **7.6. TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 7**

- Địa chỉ: 03 Nguyễn Huệ, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 02353.910.514

### **7.7. TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 8**

- Địa chỉ: 420 Hùng Vương, xã Nam Phước, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0905 232 345

### **7.8. TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 9**

- Địa chỉ: 282 đường Tiểu La, xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0964.289.600

### **7.9. TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 10**

- Địa chỉ: 08 Trần Phú, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0982.982.243

#### **7.10. TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 11**

- Địa chỉ: 224 đường Nguyễn Văn Linh, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0935.979.468

#### **7.11. TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 12**

- Địa chỉ: Khu Hành chính số 02, Kiệt 17 Hùng Vương, Khu Phước Mỹ, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 02353.747.413

#### **7.12. TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 14**

- Địa chỉ: 02 Trưng Nữ Vương, xã Quế Sơn, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0818.770.377

*(Chi tiết kèm theo Thông báo này)*

### **8. Thời gian phát hành, tiếp nhận và mở hồ sơ lựa chọn thuê cơ sở nhà, đất ngắn hạn**

*(Chi tiết các đợt kèm theo Thông báo này)*

#### **\* Lưu ý: Nộp hồ sơ trong giờ hành chính**

Thông tin chi tiết về cơ sở nhà, đất cho thuê (vị trí, mục đích sử dụng, thời hạn cho thuê, diện tích, đơn giá, tiền đặt cọc) đính kèm thông báo này.

Thông tin chi tiết về cơ sở nhà, đất cho thuê và các hướng dẫn chi tiết liên quan về thủ tục thuê ngắn hạn, dự thảo hợp đồng, đơn xin thuê cơ sở nhà, đất,... theo QR code sau:



Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng thông báo cho các tổ chức, cá nhân được biết đăng ký tham gia thuê đất theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Ban Giám đốc TT (để báo cáo);
- UBND các xã, phường tại danh sách kèm theo Thông báo này (để biết và hỗ trợ đăng tin);
- Cổng thông tin điện tử TP, Tổng đài 1022 (để hỗ trợ đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Trung tâm Phát triển quỹ đất (đăng tin);
- Các phòng Trung tâm (để phối hợp);
- Các Chi nhánh khu vực Trung tâm (p/h thực hiện);
- Lưu VT, KTND<sub>(Oanh)</sub>.

**GIÁM ĐỐC**



**Võ Nguyên Chương**

oanhcdk - 29/10/2026 11:18:39 - oanhcdk

## THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN

(Kèm theo Thông báo số 492 /TB-TTPTQĐ ngày 29 / 10/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

### 1. ĐỢT 1 (28 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 10 – 08 Trần Phú, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 08h30 ngày 03/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : 08 Trần Phú, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                        | Mục đích sử dụng              | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                                         |
|----|-----------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | Xã Chiên Đàn                                              |                               |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                                   |
| 1  | Thuê cơ sở 9 - 166 Huỳnh Thúc Kháng                       | Đất Cơ sở giáo dục/Cơ sở y tế | 60 tháng          | 2.656,30                        | 1.545,30                        | 110.499                                     | 146.759.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/dNWmmvW4LUcckKWX9">https://maps.app.goo.gl/dNWmmvW4LUcckKWX9</a>                 |
| 2  | Trụ sở Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Phú Ninh (cũ) | Đất Cơ sở giáo dục/Cơ sở y tế | 60 tháng          | 2.639,10                        | 563,50                          | 67.143                                      | 88.599.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/BAZzReJ3qXjVj9uc9?g_st=iz">https://maps.app.goo.gl/BAZzReJ3qXjVj9uc9?g_st=iz</a> |
| 3  | Trụ sở làm việc HĐND - UBND, UBMTTQVN xã Tam Đàn          | Đất Cơ sở giáo dục/Cơ sở y tế | 60 tháng          | 2.350,00                        | 620,00                          | 48.887                                      | 57.442.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/Fc9uzHTAjvaVXKJr8">https://maps.app.goo.gl/Fc9uzHTAjvaVXKJr8</a>                 |
| 4  | Trạm Y tế Thị trấn Phú Thịnh (cũ), Thôn Thạnh Đức         | Đất Cơ sở giáo dục/Cơ sở y tế | 60 tháng          | 1.300,00                        | 324,20                          | 130.705                                     | 84.958.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/hohaJMSoh3vupXQh7">https://maps.app.goo.gl/hohaJMSoh3vupXQh7</a>                 |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | Kho bạc Nhà nước Phú Ninh cũ – 57 Phan Châu Trinh | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 3.989,41                        | 797,00                          | 79.401                                      | 158.382.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/YVVsAoJe4j6zJA826">https://maps.app.goo.gl/YVVsAoJe4j6zJA826</a> |
| 6  | Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tam Đàn cũ        | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không                           | 60 tháng          | 4.800,00                        | 480,00                          | 40.004                                      | 96.010.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/aHqv8ZSRmQKNno48">https://maps.app.goo.gl/aHqv8ZSRmQKNno48</a>   |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                               | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                                         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                  | bao gồm lưu trú và để ở).                                                                      |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                                   |
| 7  | Trường tiểu học Kim Đồng (Cơ sở Hoà Bình)                                        | Đất cơ sở giáo dục                                                                             | 60 tháng          | 2.291,75                        | 200,00                          | 6.579                                       | 7.539.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/jNUkkgrPeoG9kBP88">https://maps.app.goo.gl/jNUkkgrPeoG9kBP88</a>                 |
| 8  | Trụ sở làm việc HĐND -UBND-UBMTTQVN Thị Trấn Phú Thịnh (cũ), huyện Phú Ninh (Cũ) | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 2.764,00                        | 0,00                            | 1.625                                       | 2.246.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/Czapy98U3Hu3ceN76?g_st=iZ">https://maps.app.goo.gl/Czapy98U3Hu3ceN76?g_st=iZ</a> |
| 9  | Trạm y tế, xã Tam Thái, huyện Phú Ninh (cũ)                                      | Đất Cơ sở y tế                                                                                 | 60 tháng          | 587,00                          | 254,94                          | 47.788                                      | 14.026.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/mgsPvfjHbLdakjaD8?g_st=iZ">https://maps.app.goo.gl/mgsPvfjHbLdakjaD8?g_st=iZ</a> |
| 10 | Nhà trẻ đội 3 được tiếp quản của HTX 1 Tam Đàn (cũ)                              | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 600,00                          | 0,00                            | 1.408                                       | 422.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/6Etfo2o7nKhJJhs38">https://maps.app.goo.gl/6Etfo2o7nKhJJhs38</a>                 |
| 11 | Lớp mẫu giáo thôn Phú Mỹ, xã Tam Đàn (cũ)                                        | Đất cơ sở giáo dục                                                                             | 60 tháng          | 600,00                          | 45,00                           | 19.269                                      | 5.781.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/tCAhESS6oKoKNsKG7">https://maps.app.goo.gl/tCAhESS6oKoKNsKG7</a>                 |
| 12 | Lớp mẫu giáo thôn Đàn Trung                                                      | Đất cơ sở giáo dục                                                                             | 60 tháng          | 660,00                          | 160,00                          | 53.295                                      | 17.587.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/JTjz2GY5TDc7dPBi8">https://maps.app.goo.gl/JTjz2GY5TDc7dPBi8</a>                 |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                        | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                                           |
|----|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | Nhà trẻ đội 10 HTX Tam Đàn 1 (cũ)                         | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 750,00                          | 0,00                            | 1.936                                       | 726.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/yb9FavJyGJe9BMrJA">https://maps.app.goo.gl/yb9FavJyGJe9BMrJA</a>                   |
| 14 | Trung tâm HTX 2 cũ của Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 9.780,00                        | 150,00                          | 2.907                                       | 14.215.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/dqFk4k5VkJzb64S7ZA?g_st=iz">https://maps.app.goo.gl/dqFk4k5VkJzb64S7ZA?g_st=iz</a> |
| 15 | VKSND huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (cũ), thôn Tam Cẩm   | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y                                                                    | 60 tháng          | 1.998,00                        | 612,00                          | 60.108                                      | 60.048.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/zh24ReErtuSejKjN7">https://maps.app.goo.gl/zh24ReErtuSejKjN7</a>                   |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                    | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                       | tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                               |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 16 | Trụ sở làm việc UBND xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh (cũ) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 5.008,00                        | 390,00                          | 25.278                                      | 63.296.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/4tZGYU6zqgUE4Jqy8">https://maps.app.goo.gl/4tZGYU6zqgUE4Jqy8</a> |
| 17 | Trường tiểu học Kim Đồng (Cơ sở Xuân Phú)             | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 5.322,00                        | 500,00                          | 4.222                                       | 11.235.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/aoMWQK2uxbyYo4Jj9">https://maps.app.goo.gl/aoMWQK2uxbyYo4Jj9</a> |
| 18 | Lớp mẫu giáo thôn Phú Mỹ (cũ)                         | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 500,00                          | 60,00                           | 11.968                                      | 2.992.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/vAvxfgKJUGZAMFqx5">https://maps.app.goo.gl/vAvxfgKJUGZAMFqx5</a> |
| 19 | Nhà mẫu giáo đội 11 HTX Tam An 3 trước đây Xuân Định  | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô,                                                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 1.400,00                        | 0,00                            | 1.625                                       | 1.138.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/oafyLyz2DXAwRFD28">https://maps.app.goo.gl/oafyLyz2DXAwRFD28</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                         | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                            | bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 20 | Trụ sở HĐND - UBND- UBMTTQVN Thị trấn Phú Thịnh (mới), huyện Phú Ninh (cũ) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 10.000,00                       | 420,00                          | 25.852                                      | 129.260.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/nNvN2WnTFNngyecHA">https://maps.app.goo.gl/nNvN2WnTFNngyecHA</a> |
| 21 | Trụ sở đội Thuế xã Tam Đàn (cũ)                                            | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao,                                             | 60 tháng          | 150,00                          | 54,00                           | 29.200                                      | 2.190.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/zBsp66GmvE3QKRsr6">https://maps.app.goo.gl/zBsp66GmvE3QKRsr6</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                  | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                               |
|----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                     | môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                         |
| 22 | Trường TH Đinh Tiên Hoàng cơ sở 2, thôn Xuân Trung, xã Tam Đàn (cũ) | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 2.000,00                        | 280,00                          | 14.886                                      | 14.886.000          | <a href="https://maps.app.google.gl/Q5JeUZ9UeZAXa4JP9">https://maps.app.google.gl/Q5JeUZ9UeZAXa4JP9</a> |
| 23 | Nhà đội 5 HTX Tam Đàn 1                                             | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 600,00                          | 0,00                            | 8.382                                       | 2.515.000           | <a href="https://maps.app.google.gl/SjQF5F264SvCja5W9">https://maps.app.google.gl/SjQF5F264SvCja5W9</a> |
| 24 | Trường mẫu giáo Anh Đào (Thôn Trường Mỹ)                            | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 626,00                          | 300,00                          | 42.535                                      | 13.313.000          | <a href="https://maps.app.google.gl/CvR88QvuERy5BLU19">https://maps.app.google.gl/CvR88QvuERy5BLU19</a> |
| 25 | Trụ sở HỘND - UBND,                                                 | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại,                                                                                                                                                                                                                                                         | 60 tháng          | 3.000,00                        | 219,00                          | 28.466                                      | 42.699.000          | <a href="https://maps.app.google.gl/L8pSQwPy">https://maps.app.google.gl/L8pSQwPy</a>                   |

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                        | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-----------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | UBMTTQVN xã Tam Thái, huyện Phú Ninh (cũ) | dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                |                   |                                 |                                 |                                             |                     | <a href="https://www.google.com/maps/@16.454545,107.854545,15z">PmLiPys49?g_st=iz</a>             |
| <b>II</b> | <b>Phường Bàn Thạch</b>                   |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Cơ sở số 01A Phan Bội Châu                | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không | 60 tháng          | 2.100,00                        | 516,0                           | 240.740                                     | 252.777.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/qU5fuekSSaDF9jHX8">https://maps.app.goo.gl/qU5fuekSSaDF9jHX8</a> |

| TT         | Tên cơ sở nhà, đất                             | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                | bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 2          | Cơ sở nhà, đất số 01A Lê Đình Dương            | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 4998,75                         | 682,0                           | 108.625                                     | 271.495.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/um6FaafZPPrZNcNZ7">https://maps.app.goo.gl/um6FaafZPPrZNcNZ7</a> |
| <b>III</b> | <b>Phường Tam Kỳ</b>                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | Cơ sở trạm Y tế phường An Xuân (cũ), đường N24 | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục –                                                                                         | 60 tháng          | 601,90                          | 168,6                           | 190.872                                     | 57.443.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/JS2jMq7HDqdmJ29n8">https://maps.app.goo.gl/JS2jMq7HDqdmJ29n8</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất | Mục đích sử dụng                                                                        | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps) |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------|
|    |                    | đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                           |

**THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN**  
(Kèm theo Thông báo số 492/TB-TTPTQĐ ngày 29 /10 /2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

**2. ĐỢT 02 (13 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : Phòng Đấu giá và Giá đất – 147 Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 08h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : Hội trường tầng 4 – 245 Lê Duẩn, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

| TT       | Tên cơ sở nhà, đất                     | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Phường Hải Châu</b>                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1        | UBND quận Hải Châu (cũ) - 270 Trần Phú | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 5.015,00                        | 5.782,00                        | 1.807.682                                   | 4.532.763.000       | <a href="https://maps.app.goo.gl/dePabx8fvBm3uAb27">https://maps.app.goo.gl/dePabx8fvBm3uAb27</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                  | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | TYT Phước Ninh cơ sở 2 (cũ)/TYT Bình Hiên (cũ) - K280/11 Hoàng Diệu | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 508,10                          | 410,97                          | 470.717                                     | 119.586.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/PZH7oiJwpW2EdM4o7">https://maps.app.goo.gl/PZH7oiJwpW2EdM4o7</a> |
| 3  | TYT Hải Châu cơ sở 1 (cũ) - 239 Nguyễn Chí Thanh                    | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không                           | 60 tháng          | 102,70                          | 225,22                          | 966.586                                     | 49.634.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/Cr4tQpDBdWBXMYft9">https://maps.app.goo.gl/Cr4tQpDBdWBXMYft9</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                  | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                     | bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 4  | Công an phường Thạch Thang (cũ) - 155 Ông Ích Khiêm | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 110,20                          | 320,00                          | 1.199.004                                   | 66.065.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/MeMkaceJmwARPiXF8">https://maps.app.goo.gl/MeMkaceJmwARPiXF8</a> |
| 5  | Công an phường Hải Châu 1 (cũ) - 87 Phan Chu Trinh  | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao,                                             | 60 tháng          | 137,40                          | 511,00                          | 1.209.495                                   | 83.092.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/UwU9rbSFkoggqW2r9">https://maps.app.goo.gl/UwU9rbSFkoggqW2r9</a> |

| TT         | Tên cơ sở nhà, đất      | Mục đích sử dụng                                                                                       | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                         | môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                            |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| <b>II</b>  | <b>Phường Thanh Khê</b> |                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | 88 Điện Biên Phủ        | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)         | 60 tháng          | 1.162,70                        | 519,20                          | 656.920                                     | 381.900.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/JnJhHXpGfk4uVa9N9">https://maps.app.goo.gl/JnJhHXpGfk4uVa9N9</a> |
| <b>III</b> | <b>Phường An Khê</b>    |                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | 319 Trường Chinh        | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)         | 60 tháng          | 1.000,00                        | 0,00                            | 249.118                                     | 124.559.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/WyzmtvXomKv2nXSD8">https://maps.app.goo.gl/WyzmtvXomKv2nXSD8</a> |
| <b>IV</b>  | <b>Phường Cẩm Lệ</b>    |                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | 48 Trường Sơn           | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)         | 60 tháng          | 956,30                          | 500,00                          | 417.514                                     | 199.634.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/Kz2dtBNGSK5VHWRW6">https://maps.app.goo.gl/Kz2dtBNGSK5VHWRW6</a> |
| 2          | 307 Cách Mạng Tháng Tám | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản | 60 tháng          | 197,60                          | 569,01                          | 1.106.447                                   | 109.317.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/Xi81vF94jEjutRpZ6">https://maps.app.goo.gl/Xi81vF94jEjutRpZ6</a> |

| TT       | Tên cơ sở nhà, đất                                  | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                          | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                                                                                                                                     |
|----------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                                     | phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                                                                                                                               |
| <b>V</b> | <b>Phường Hòa Xuân</b>                              |                                                                                                                                                                                           |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                                                                                                                               |
| 1        | Nhà văn hóa thôn Miếu Bông                          | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                            | 60 tháng          | 260,00                          | 160,00                          | 459.886                                     | 59.785.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/knq6ZkuNMaVjWLry8">https://maps.app.goo.gl/knq6ZkuNMaVjWLry8</a>                                                                                                             |
| 2        | Trường mầm non - Khu vực Đông Hòa                   | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                        | 60 tháng          | 945,00                          | 223,04                          | 88.896                                      | 42.003.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/ygeXM2JARb6QMhtm8">https://maps.app.goo.gl/ygeXM2JARb6QMhtm8</a>                                                                                                             |
| 3        | Cơ sở sinh hoạt Chi đoàn thanh niên thôn Quang Châu | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                        | 60 tháng          | 306,60                          | 103,00                          | 132.537                                     | 20.318.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/X5HX+8V9Nhàvăn hóa Thôn Quang Châu, Quang Châu, Hòa Xuân, Đà Nẵng 550000, Việt Nam">X5HX+8V9 Nhà văn hóa Thôn Quang Châu, Quang Châu, Hòa Xuân, Đà Nẵng 550000, Việt Nam</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                   | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | Trường MN Hòa Phước, TDP Giáng Nam 1 | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 399,40                          | 90,00                           | 44.518                                      | 8.890.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/LCVfqUi8Z7dv3XXv9">https://maps.app.goo.gl/LCVfqUi8Z7dv3XXv9</a> |

**THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN**  
(Kèm theo Thông báo số 492 /TB-TTPTQĐ ngày 29 / 10 / 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

**3. ĐỢT 03 (05 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 2 – 02 Hoàng Bình Chính, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 14h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : 02 Hoàng Bình Chính, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

| TT | Tên cơ sở nhà, đất  | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                               |
|----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | Phường Ngũ Hành Sơn |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                         |
| 1  | 135 Minh Mạng       | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 2.571,00                        | 0,00                            | 863.290                                     | 1.109.759.000       | <a href="https://maps.app.google.gl/uryeaVJup1FyNeEY7">https://maps.app.google.gl/uryeaVJup1FyNeEY7</a> |

| TT         | Tên cơ sở nhà, đất                                    | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2          | Vườn ươm tạm số 7 (Tiên Sơn), phường Mỹ An (cũ)       | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 14.521,00                       | 0,00                            | 1.163.485                                   | 8.447.483.000       | <a href="https://maps.app.goo.gl/Sk5eGuEiRUeg4ssZ6">https://maps.app.goo.gl/Sk5eGuEiRUeg4ssZ6</a> |
| <b>II</b>  | <b>Phường An Hải</b>                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | Trường Tiểu học Tiểu La, Cơ sở lẻ - 440 Ngô Quyền     | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 1.348,20                        | 0,00                            | 621.875                                     | 419.206.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/yuZ6c4oaYYU82TPs9">https://maps.app.goo.gl/yuZ6c4oaYYU82TPs9</a> |
| <b>III</b> | <b>Phường Sơn Trà</b>                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | Trường Mầm non Hòa Mỹ - CS3, số 07 Nại Nghĩa 5, tổ 5N | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 154,70                          | 95,37                           | 383.641                                     | 29.675.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/8SPLFBxk5bzkhb9s7">https://maps.app.goo.gl/8SPLFBxk5bzkhb9s7</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                   | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Trạm Kiểm lâm Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 1.056,00                        | 131,00                          | 735.293                                     | 388.235.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/YyjwQPyJgmAfht4S7">https://maps.app.goo.gl/YyjwQPyJgmAfht4S7</a> |

**THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN**  
(Kèm theo Thông báo số 492 /TB-TTPTQĐ ngày 29/ 10/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

**4. ĐỢT 04 (14 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 4 – Ngã ba đường Dương Lâm 1 và Dương Lâm 3, thôn Hòa Phong, xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 14h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : Ngã ba đường Dương Lâm 1 và Dương Lâm 3, thôn Hòa Phong, xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

| TT       | Tên cơ sở nhà, đất                              | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Xã Hòa Vang</b>                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1        | Phòng đọc báo tại Xã Hòa Phú (cũ) - Hội nhà báo | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 114,00                          | 78,80                           | 47.991                                      | 2.735.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/LkUE8A9scJVCZdST6">https://maps.app.goo.gl/LkUE8A9scJVCZdST6</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                 | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Chi cục kiểm lâm - Trạm Kiểm lâm Phú Túc           | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 362,00                          | 80,00                           | 36.848                                      | 6.669.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/iEA5avrJmAbyC2RE8">https://maps.app.goo.gl/iEA5avrJmAbyC2RE8</a> |
| 3  | Trường MN - KV Cẩm Toại Trung 1, xã Hòa Phong (cũ) | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 141,00                          | 41,80                           | 89.422                                      | 6.304.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/Qyi7FZXmzXXkJYcf8">https://maps.app.goo.gl/Qyi7FZXmzXXkJYcf8</a> |
| 4  | Trường MN - KV Cẩm Toại Trung 2, xã Hòa Phong (cũ) | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 439,00                          | 70,00                           | 41.396                                      | 9.086.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/V5DaJiWnCTG9MFCo8">https://maps.app.goo.gl/V5DaJiWnCTG9MFCo8</a> |
| 5  | Trường MN - KV Cẩm Toại Trung 3, xã Hòa Phong (cũ) | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 220,40                          | 83,00                           | 40.798                                      | 4.496.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/rbdjF4vh5ixLrkDL8">https://maps.app.goo.gl/rbdjF4vh5ixLrkDL8</a> |
| 6  | Trường MN - Thôn Hòa Hải, xã Hòa Phú (cũ)          | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 919,60                          | 71,00                           | 29.118                                      | 13.388.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/maDijTHmBhKVLtu29">https://maps.app.goo.gl/maDijTHmBhKVLtu29</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                          | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                           |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7  | Trường TH Hòa Phong - KV An Tân (Theo BD 64), thôn Đông Lâm | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 880,50                          | 0,00                            | 34.992                                      | 15.405.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/ibttFuS4oS_C1TY7D7">https://maps.app.goo.gl/ibttFuS4oS_C1TY7D7</a> |
| 8  | Trường MN Hòa Phú - KV Thôn An Châu, xã Hòa Phú (cũ)        | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 361,80                          | 157,40                          | 22.579                                      | 4.085.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/hAZnbDQg3HaG4dRC8">https://maps.app.goo.gl/hAZnbDQg3HaG4dRC8</a>   |
| 9  | Nhà văn hóa thôn Đồng Lãng (cũ) – thôn Đông Lâm             | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 626,20                          | 128,60                          | 68.715                                      | 21.515.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/RfaiKZsAAERyiQur6">https://maps.app.goo.gl/RfaiKZsAAERyiQur6</a>   |
| 10 | Nhà văn hóa thôn Hòa Xuân (cũ) – thôn Hội Phước             | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt                                                                                                                                                                         | 60 tháng          | 151,30                          | 80,30                           | 97.289                                      | 7.360.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/ctbC1EdUMKq6eMbX6">https://maps.app.goo.gl/ctbC1EdUMKq6eMbX6</a>   |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                  | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                        | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                     | động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 11 | Nhà văn hóa thôn Cẩm Toại Đông (cũ) – thôn Cẩm Toại Đông            | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                          | 60 tháng          | 281,10                          | 42,40                           | 42.291                                      | 5.944.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/144kfzgW8HscyTha7">https://maps.app.goo.gl/144kfzgW8HscyTha7</a> |
| 12 | Trường mầm non Hòa Phong - KV Cẩm Toại Trung 4, thôn Cẩm Toại Trung | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                          | 60 tháng          | 287,90                          | 81,00                           | 40.330                                      | 5.806.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/S1oyrjfv33S1iyY6">https://maps.app.goo.gl/S1oyrjfv33S1iyY6</a>   |
| 13 | Nhà văn hóa thôn An Tân (cũ) – thôn An Tân                          | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                          | 60 tháng          | 164,80                          | 43,00                           | 45.928                                      | 3.784.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/avAvVnqQGSHndCKw5">https://maps.app.goo.gl/avAvVnqQGSHndCKw5</a> |
| 14 | Nhà văn hóa thôn Dương Lâm 2 (cũ) – thôn Dương Lâm 2                | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô,                                                                                                          | 60 tháng          | 238,70                          | 100,00                          | 169.313                                     | 20.208.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/dbUnTrJPWw5f3rf66">https://maps.app.goo.gl/dbUnTrJPWw5f3rf66</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất | Mục đích sử dụng                | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps) |
|----|--------------------|---------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------|
|    |                    | bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                           |

oanhcdk - 29/10/2026 11:18:39 - oanhcdk - oanhcdk

## THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN

(Kèm theo Thông báo số 492 /TB-TTPTQĐ ngày 29 / 10 /2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

### 5. ĐỢT 05 (27 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 5 – 300 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 14h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : 300 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                       | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | Phường Hòa Khánh                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1  | Trường MN - Thôn Phú Thượng A/xã Hòa Sơn | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 30,00                           | 0,00                            | 69.860                                      | 1.048.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/YHZMf5BGiySXxT3c7">https://maps.app.goo.gl/YHZMf5BGiySXxT3c7</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                            | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Trường MN - Thôn Xuân Phú (kề nhà hợp thôn cũ)/xã Hoà Sơn     | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 359,00                          | 71,00                           | 86.350                                      | 15.500.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/KMboi7WtJs7GHye9">https://maps.app.goo.gl/KMboi7WtJs7GHye9</a>   |
| 3  | Trường MN xã Hoà Sơn, Điểm trường thôn Hoà Khê, xã Hoà Sơn cũ | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không                           | 60 tháng          | 500,00                          | 84,00                           | 42.741                                      | 10.685.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/aRdjGATPx33QrTXp9">https://maps.app.goo.gl/aRdjGATPx33QrTXp9</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                 | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                    | bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 4  | Trường MN - Thôn Phú Thượng B/xã Hòa Sơn           | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 248,00                          | 120,00                          | 57.667                                      | 7.151.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/uoXQz5jVZc5WDtjQ9">https://maps.app.goo.gl/uoXQz5jVZc5WDtjQ9</a> |
| 5  | TTDV việc làm Thôn An Ngãi Tây II, xã Hoà Sơn (cũ) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y                                                                    | 60 tháng          | 398,00                          | 189,00                          | 179.410                                     | 35.703.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/N2tfQ7YYN14HDwUC7">https://maps.app.goo.gl/N2tfQ7YYN14HDwUC7</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                    | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                       | tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                               |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 6  | Trường MN 1-6 (Khối Khánh Sơn cũ)                                     | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 385,00                          | 114,00                          | 238.749                                     | 45.959.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/LDYnEv4HDNzxZHDA7">https://maps.app.goo.gl/LDYnEv4HDNzxZHDA7</a> |
| 7  | Trường TH công lập Hoà Sơn, Diềm trường Thôn Hoà Khê, xã Hoà Sơn (cũ) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục –                                                                                         | 60 tháng          | 256,00                          | 83,00                           | 41.801                                      | 5.351.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/CcakpfEL6K23hyF56">https://maps.app.goo.gl/CcakpfEL6K23hyF56</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                   | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                      | đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                          |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 8  | Trường TH số 01 Hòa Sơn, Cơ sở 2 (khu vực thôn Đại La), tổ Đại La    | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 680,00                          | 53,00                           | 77.069                                      | 26.203.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/EYQ223iTXL6kRDXj8">https://maps.app.goo.gl/EYQ223iTXL6kRDXj8</a> |
| 9  | Trường MN công lập Hoà Sơn, Điểm trường Thôn Phú Hạ, xã Hoà Sơn (cũ) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong                                                                                                             | 60 tháng          | 308,00                          | 50,00                           | 36.445                                      | 5.613.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/gyM98QbUDjd7PSdL9">https://maps.app.goo.gl/gyM98QbUDjd7PSdL9</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                            | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                               | lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                      |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 10 | Trường MN xã Hoà Sơn, Điểm trường Xuân Phú B, xã Hoà Sơn (cũ) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 359,30                          | 40,00                           | 36.081                                      | 6.482.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/bTFvyNP1brjRWnPQ8">https://maps.app.goo.gl/bTFvyNP1brjRWnPQ8</a> |
| 11 | Thuế cơ sở 3 - đường tỉnh 602                                 | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực                                                                                                                                   | 60 tháng          | 536,70                          | 71,00                           | 154.623                                     | 41.493.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/9yz72Majx2NTPvpg9">https://maps.app.goo.gl/9yz72Majx2NTPvpg9</a> |

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                                                | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                   | hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 12        | Cơ sở làm việc Đội Cảnh sát PC&CC xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang (cũ) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 366,80                          | 0,00                            | 146.494                                     | 26.867.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/P9qeGdL3iniwuK2x8">https://maps.app.goo.gl/P9qeGdL3iniwuK2x8</a> |
| <b>II</b> | <b>Phường Hải Vân</b>                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Chi cục Kiểm lâm - Trụ sở Trạm KL Bàu Bàng (mới)                  | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 4.193,00                        | 172,00                          | 95.240                                      | 199.671.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/qkzDHvpUvGvKXeKK8">https://maps.app.goo.gl/qkzDHvpUvGvKXeKK8</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                     | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Trụ sở Trạm Kiểm lâm Hòa Bắc                           | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 542,00                          | 250,00                          | 117.254                                     | 31.776.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/yBB2RrmSAH5DNKLDA">https://maps.app.goo.gl/yBB2RrmSAH5DNKLDA</a> |
| 3  | Nhà Hạt kiểm lâm Liên Chiểu cũ - 520 Nguyễn Lương Bằng | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 361,00                          | 156,00                          | 442.177                                     | 79.813.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/4r5BbNTe8nix41iD9">https://maps.app.goo.gl/4r5BbNTe8nix41iD9</a> |
| 4  | Trường MN Hòa Bắc, TDP Nam Mỹ                          | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 375,00                          | 49,50                           | 58.744                                      | 11.015.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/267k3um3bPGZZXi19">https://maps.app.goo.gl/267k3um3bPGZZXi19</a> |
| 5  | Trường TH Hòa Bắc, TDP Nam Yên                         | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 1.672,00                        | 295,13                          | 68.559                                      | 57.315.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/KbX7sHtbAM3cEqw68">https://maps.app.goo.gl/KbX7sHtbAM3cEqw68</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất              | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | Trụ sở làm việc UBND xã Hòa Bắc | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 1.937,50                        | 499,28                          | 28.188                                      | 27.307.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/JLRk6r8VubYwyD7S8">https://maps.app.goo.gl/JLRk6r8VubYwyD7S8</a> |
| 7  | TT Giáo dục dạy nghề 05-06 (cũ) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không                           | 60 tháng          | 37.667,00                       | 0,00                            | 18.107                                      | 341.018.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/yYWvpaYDai78Pwsv9">https://maps.app.goo.gl/yYWvpaYDai78Pwsv9</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                        | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                              | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                           | bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                     |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 8  | Trạm dân phòng thôn Trường Định                           | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                | 60 tháng          | 209,00                          | 30,00                           | 133.848                                     | 13.987.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/jxJFYRdfZGzVzCk56">https://maps.app.goo.gl/jxJFYRdfZGzVzCk56</a> |
| 9  | Trường MN - Thôn Lộc Mỹ (xã Hòa Bắc cũ)                   | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                | 60 tháng          | 370,00                          | 100,00                          | 27.941                                      | 5.169.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/fHKXXXJwdgrd2mf58">https://maps.app.goo.gl/fHKXXXJwdgrd2mf58</a> |
| 10 | Trạm Công an bảo vệ an ninh trật tự Trại 05-06            | Đất Cơ sở thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 5.112,00                        | 0,00                            | 3.909                                       | 9.991.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/qpCwq4g4wZejsHHU7">https://maps.app.goo.gl/qpCwq4g4wZejsHHU7</a> |
| 11 | Trường tiểu học Hòa Bắc-Điểm trường Giàn Bí, TDP Giàn Bí) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y | 60 tháng          | 2.437,00                        | 168,00                          | 8.401                                       | 10.237.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/VyRc1JgUNpABsVDA6">https://maps.app.goo.gl/VyRc1JgUNpABsVDA6</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                                     | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                        | tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                               |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 12 | Trường Mầm non Măng non-Điểm trường tại Khu tái định cư Hòa Hiệp 2, đường Xuân Thiều 9 | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 100,00                          | 97,00                           | 252.479                                     | 12.624.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/7cZuR7s1jUi8DXTK9">https://maps.app.goo.gl/7cZuR7s1jUi8DXTK9</a> |
| 13 | Trường tiểu học Hòa Bắc-Điểm trường TDP Nam Mỹ                                         | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục –                                                                                         | 60 tháng          | 780,00                          | 280,00                          | 103.059                                     | 40.193.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/8H1wZB4nGpqVMDrM6">https://maps.app.goo.gl/8H1wZB4nGpqVMDrM6</a> |

| TT         | Tên cơ sở nhà, đất                    | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                       | đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| <b>III</b> | <b>Phường Liên Chiểu</b>              |                                                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | Trường MN Hòa Liên 2, TDP Tân Ninh    | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 230,00                          | 52,00                           | 50.091                                      | 5.760.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/rxk6H22TXqciPaGL9">https://maps.app.goo.gl/rxk6H22TXqciPaGL9</a> |
| 2          | Trường MN Hòa Liên 2, TDP Vân Dương 1 | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 483,00                          | 45,00                           | 31.337                                      | 7.568.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/xmtAC5mymzjDKytMA">https://maps.app.goo.gl/xmtAC5mymzjDKytMA</a> |

**THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN**  
(Kèm theo Thông báo số 492/TB-TTPTQĐ ngày 29 / 10 /2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

**6. ĐỢT 06 (6 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 6 – 451 Trần Hưng Đạo, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 14h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : 451 Trần Hưng Đạo, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                                                              | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | Phường Điện Bàn                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1  | Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 (Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn (cũ), số 189 đường Trần Cao Vân | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 600,00                          | 222,00                          | 58.722                                      | 17.617.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/ZjmDVdFEZzB1CZXD7">https://maps.app.goo.gl/ZjmDVdFEZzB1CZXD7</a> |

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                                                 | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-----------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2         | Phòng Giáo dục đào tạo (cũ), Vĩnh Điện                             | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 1.762,00                        | 312,94                          | 14.449                                      | 12.730.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/pZZNoAVEbirt6ZJB6">https://maps.app.goo.gl/pZZNoAVEbirt6ZJB6</a> |
| 3         | Trường THPT Nguyễn Khuyến (cũ), đường Quốc lộ 1A (cũ), Điện Phương | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 6.538,80                        | 1.444,00                        | 35.116                                      | 114.808.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/h9NGVjvaCkJNP9h98">https://maps.app.goo.gl/h9NGVjvaCkJNP9h98</a> |
| <b>II</b> | <b>Phường Điện Bàn Đông</b>                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Trường Mẫu giáo Điện Nam Trung (cơ sở 2), Khối phố 5               | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực                                                                                                                                   | 60 tháng          | 496,00                          | 84,00                           | 12.182                                      | 3.021.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/7x5YppGPih9bFeVa8">https://maps.app.goo.gl/7x5YppGPih9bFeVa8</a> |

| TT         | Tên cơ sở nhà, đất                                 | Mục đích sử dụng                                                                                                                  | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                    | hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 2          | Cơ sở Trại phát triển giống nầm Điện Ngọc          | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                    | 60 tháng          | 9.000,00                        | 2.344,00                        | 28.060                                      | 126.270.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/AeuaFVdJJKqEK2139">https://maps.app.goo.gl/AeuaFVdJJKqEK2139</a> |
| <b>III</b> | <b>Phường An Thắng</b>                             |                                                                                                                                   |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | Cơ sở 2, Trường MGCL Điện An, khối phố Cầu Nhi Tây | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                | 60 tháng          | 1.596,00                        | 370,00                          | 34.788                                      | 27.761.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/35zfK1hL36ExeVjm9">https://maps.app.goo.gl/35zfK1hL36ExeVjm9</a> |

## THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN

(Kèm theo Thông báo số 492 /TB-TTPTQĐ ngày 29 / 10 /2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

### 7. ĐỢT 07 (01 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 7 – 03 Nguyễn Huệ, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 08h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : 03 Nguyễn Huệ, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng

| TT       | Tên cơ sở nhà, đất             | Mục đích sử dụng              | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Phường Hội An Tây</b>       |                               |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1        | Trường Mẫu giáo Cẩm Hà cơ sở 2 | Đất Cơ sở giáo dục/Cơ sở y tế | 60 tháng          | 536,00                          | 164,00                          | 64.951                                      | 17.407.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/Qf8qTSi9rpXWugCZ7">https://maps.app.goo.gl/Qf8qTSi9rpXWugCZ7</a> |

**THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN**  
(Kèm theo Thông báo số 492/TB-TTPTQĐ ngày 29 / 10/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

**8. ĐỢT 08 (04 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 8 – 420 Hùng Vương, xã Nam Phước, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 14h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : 420 Hùng Vương, xã Nam Phước, thành phố Đà Nẵng

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                 | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-----------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Xã Duy Nghĩa</b>                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Trạm y tế Duy Thành, Thôn Thi Thại | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 2.270,00                        | 1.000,00                        | 7.403                                       | 8.402.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/rcxWdetBYVpEjEyf9">https://maps.app.goo.gl/rcxWdetBYVpEjEyf9</a> |
| <b>II</b> | <b>Xã Nam Phước</b>                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                               | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Trụ sở làm việc Trạm Kiểm dịch thực vật, thôn Câu Lâu Tây        | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 3.188,50                        | 279,80                          | 35.042                                      | 55.866.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/WUHD6wy7HyVkr6B9">https://maps.app.goo.gl/WUHD6wy7HyVkr6B9</a>   |
| 2  | Chi Cục thuế Duy Xuyên (cũ) - 230 Điện Biên Phủ, thôn Long Xuyên | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không                           | 60 tháng          | 855,00                          | 764,20                          | 126.299                                     | 53.993.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/nk7cMaKoH5URFcHn9">https://maps.app.goo.gl/nk7cMaKoH5URFcHn9</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                                                    | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                       | bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 3  | Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên (cũ), 414 Hùng Vương | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 1.413,00                        | 300,00                          | 165.497                                     | 116.924.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/Ddqd4Vzz8WbyLcX9A">https://maps.app.goo.gl/Ddqd4Vzz8WbyLcX9A</a> |

**THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN**  
(Kèm theo Thông báo số 492 /TB-TTPTQĐ ngày 29 / 10/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

**9. ĐỢT 09 (05 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 9 – 282 đường Tiểu La, xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 14h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : 282 đường Tiểu La, xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng

| TT       | Tên cơ sở nhà, đất                                           | Mục đích sử dụng                                                                                                                             | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Xã Thăng Bình</b>                                         |                                                                                                                                              |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1        | Trường MG Hà Lam cũ (Khu phố 8, tổ 11 cũ), (thửa 485 TBĐ 03) | Đất Cơ sở giáo dục/Cơ sở y tế                                                                                                                | 60 tháng          | 1.854,00                        | 0,00                            | 8.032                                       | 7.446.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/95T48HotBHJ1LJWo8">https://maps.app.goo.gl/95T48HotBHJ1LJWo8</a> |
| 2        | Trường MG Hà Lam cũ (Khu phố 8, tổ 12 cũ), (thửa 387 TBĐ 06) | Đất Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp)                                                   | 60 tháng          | 541,30                          | 0,00                            | 38.709                                      | 10.477.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/N1QYxoPmuWLLizY28">https://maps.app.goo.gl/N1QYxoPmuWLLizY28</a> |
| 3        | Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực X, 345 Tiểu La   | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh | 60 tháng          | 255,10                          | 166,00                          | 129.233                                     | 16.484.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/kfqk2oUpLwaS25nk8">https://maps.app.goo.gl/kfqk2oUpLwaS25nk8</a> |

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                             | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-----------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                | doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                              |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 4         | Trụ sở TAND Huyện Thăng Bình (cũ), 440 Tiểu La | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 2.757,40                        | 1.220,00                        | 106.119                                     | 146.306.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/8oEVPKLSprbaw3FV6">https://maps.app.goo.gl/8oEVPKLSprbaw3FV6</a> |
| <b>II</b> | <b>Xã Thăng Điện</b>                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Nhà Đội thuế Bình An (cũ)                      | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản                                                                                                                                                                                           | 60 tháng          | 120,00                          | 147,60                          | 63.183                                      | 3.791.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/hWXzkGjpw5bTjGxd7">https://maps.app.goo.gl/hWXzkGjpw5bTjGxd7</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                          | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps) |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------|
|    |                    | phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                           |

**THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN**  
(Kèm theo Thông báo số 492 /TB-TTPTQĐ ngày 29 /10 /2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

**10. ĐỢT 10 (28 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 03/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 10 – 08 Trần Phú, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 08h30 ngày 05/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : 08 Trần Phú, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng

| TT       | Tên cơ sở nhà, đất   | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Phường Tam Kỳ</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1        | 159 Phan Châu Trinh  | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 213,60                          | 322,80                          | 465.901                                     | 49.758.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/BpZqT2bypW9Yfd689">https://maps.app.goo.gl/BpZqT2bypW9Yfd689</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất       | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | 351 Phan Châu Trinh      | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 159,70                          | 287,90                          | 415.041                                     | 33.141.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/nT1ANfuc2PeVRHKM7">https://maps.app.goo.gl/nT1ANfuc2PeVRHKM7</a> |
| 3  | 16 Lê Lợi, phường Tam Kỳ | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không                           | 60 tháng          | 1.084,80                        | 579,30                          | 243.390                                     | 132.015.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/mzWAnd8xLAAueuPa6">https://maps.app.goo.gl/mzWAnd8xLAAueuPa6</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                      | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                         | bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 4  | Công an phường Tam Kỳ - Công an phường Trường Xuân (cũ) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 485,10                          | 50,00                           | 140.440                                     | 34.064.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/ZNRoVCWVuFsBypbYA">https://maps.app.goo.gl/ZNRoVCWVuFsBypbYA</a> |
| 5  | Cơ sở số 489 Phan Châu Trinh                            | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao,                                             | 60 tháng          | 298,50                          | 537,7                           | 403.062                                     | 60.157.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/fAV55rwcSJZy7UQV6">https://maps.app.goo.gl/fAV55rwcSJZy7UQV6</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                  | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                     | môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 6  | Cơ sở Trường Cao Đẳng Quảng Nam cũ, 106 Trần Văn Dư                 | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 2.820,00                        | 3340                            | 130.971                                     | 184.669.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/edxSHtPNi1VSwxWk6">https://maps.app.goo.gl/edxSHtPNi1VSwxWk6</a> |
| 7  | Trụ sở các Hội xã hội phường Phước Hoà (cũ), số 112 Phan Đình Phùng | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y                                                                    | 60 tháng          | 143,60                          | 260,5                           | 460.632                                     | 33.073.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/rkbNjsxBRmxmftEU6">https://maps.app.goo.gl/rkbNjsxBRmxmftEU6</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                      | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                         | tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                               |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 8  | Cơ sở nhà, đất số 248 Phan Châu Trinh   | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 181,10                          | 362,2                           | 527.863                                     | 47.798.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/NFmqWJBNT5NChbhPA">https://maps.app.goo.gl/NFmqWJBNT5NChbhPA</a> |
| II | Phường Bàn Thạch                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1  | Cơ sở nhà, đất tại số 142 Phan Bội Châu | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực                                                                                                                                   | 60 tháng          | 3.213,40                        | 2.080,00                        | 263.166                                     | 422.829.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/KgjEn1Xx7oTMEfDW8">https://maps.app.goo.gl/KgjEn1Xx7oTMEfDW8</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                      | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                         | hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 2  | Cơ sở nhà, đất số 10 đường Trần Hưng Đạo                | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 2.185,00                        | 746,00                          | 241.331                                     | 263.654.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/LWihujKngQLFMn36A">https://maps.app.goo.gl/LWihujKngQLFMn36A</a> |
| 3  | Trụ sở Chi cục Quản lý thị trường (cũ) đường Quốc lộ 1A | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh                                                                                                                                                     | 60 tháng          | 2.617,50                        | 1472,72                         | 332.173                                     | 434.731.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/H2Bc8FyzRr8k4YYf9">https://maps.app.goo.gl/H2Bc8FyzRr8k4YYf9</a> |

| TT         | Tên cơ sở nhà, đất                                      | Mục đích sử dụng                                                                                                                                    | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                         | doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| <b>III</b> | <b>Xã Phú Ninh</b>                                      |                                                                                                                                                     |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | Trường Tiểu học Thái Phiên (cơ sở thôn Phước Thượng cũ) | Đất Cơ sở giáo dục/Cơ sở y tế                                                                                                                       | 60 tháng          | 1.500,00                        | 128,00                          | 5.503                                       | 4.127.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/Zronk6BCVqMsdHb17">https://maps.app.goo.gl/Zronk6BCVqMsdHb17</a> |
| 2          | Trường Mẫu giáo Bình Minh (cơ sở thôn Trung Đàn cũ)     | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                  | 60 tháng          | 1.335,00                        | 60,00                           | 6.578                                       | 4.391.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/K2Vg4gBNf2X2LxwQ6">https://maps.app.goo.gl/K2Vg4gBNf2X2LxwQ6</a> |
| 3          | Trường Tiểu học Thái Phiên (cơ sở Long Sơn)             | Đất Cơ sở giáo dục/Cơ sở y tế                                                                                                                       | 60 tháng          | 1.521,00                        | 128,00                          | 3.743                                       | 2.847.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/MekSFcuA2eVNuNRV6">https://maps.app.goo.gl/MekSFcuA2eVNuNRV6</a> |
| 4          | Trường Tiểu học Thái Phiên (cơ sở 3)                    | Đất Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp)                                                          | 60 tháng          | 2.433,20                        | 256,00                          | 8.638                                       | 10.509.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/WvZoSgpoSjJn6cjT9">https://maps.app.goo.gl/WvZoSgpoSjJn6cjT9</a> |

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                                                         | Mục đích sử dụng                                                                                       | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5         | Đất Trường Tiểu học Lê Hoàn (Cơ sở Ngọc Tú)                                | Đất Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp)             | 60 tháng          | 3.617,30                        | 252,00                          | 7.904                                       | 14.296.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/Cw2LNAcy9BnuMuW16">https://maps.app.goo.gl/Cw2LNAcy9BnuMuW16</a> |
| 6         | Trường Mẫu giáo Bình Minh (cơ sở thôn Long Sơn cũ)                         | Đất Cơ sở giáo dục/Cơ sở y tế                                                                          | 60 tháng          | 423,90                          | 100,00                          | 7.921                                       | 1.679.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/wvHKSLA2ARJG19AK6">https://maps.app.goo.gl/wvHKSLA2ARJG19AK6</a> |
| 7         | Đất Trường MG Ánh Hồng (cơ sở Dương Đàn)                                   | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                     | 60 tháng          | 1.600,24                        | 60,00                           | 4.853                                       | 3.883.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/Uj9Z6wuPmFKbTqoZ7">https://maps.app.goo.gl/Uj9Z6wuPmFKbTqoZ7</a> |
| <b>IV</b> | <b>Phường Hương Trà</b>                                                    |                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Trường Mẫu giáo thôn Đồng Nghệ (cũ), Tổ dân phố Đồng Phú, phường Hương Trà | Đất cơ sở giáo dục                                                                                     | 60 tháng          | 331,90                          | 37,80                           | 14.355                                      | 2.382.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/meiLWMPGk91AHhpk7">https://maps.app.goo.gl/meiLWMPGk91AHhpk7</a> |
| <b>V</b>  | <b>Xã Trà My</b>                                                           |                                                                                                        |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Đất Trụ sở Bảo hiểm xã hội (cũ)                                            | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản | 60 tháng          | 636,00                          | 450,00                          | 30.147                                      | 9.587.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/FEU56QjxjHqsFn7A9">https://maps.app.goo.gl/FEU56QjxjHqsFn7A9</a> |

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                                                                                                           | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                     | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                           |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                                                                              | phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                            |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                     |
| <b>VI</b> | <b>Xã Tiên Phước</b>                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                     |
| 1         | Điểm trường lẻ (thôn 8 cũ), Thôn 6, xã Tiên Phước                                                                            | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 1.063,00                        | 0,00                            | 3.069                                       | 1.631.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/daE8pWZJj_jai7P9e7">https://maps.app.goo.gl/daE8pWZJj_jai7P9e7</a> |
| 2         | Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước (cũ), địa chỉ: 130 đường 10/3 xã Tiên Phước) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, | 60 tháng          | 400,00                          | 160,00                          | 45.530                                      | 9.106.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/VSKRCDXPv2Y64K9L9">https://maps.app.goo.gl/VSKRCDXPv2Y64K9L9</a>   |

| TT          | Tên cơ sở nhà, đất                                       | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                          | môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                    |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| <b>VII</b>  | <b>Xã Sơn Cẩm Hà</b>                                     |                                                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1           | Điểm trường thôn 4 MG Tiên Sơn                           | Đất cơ sở giáo dục                                                                             | 60 tháng          | 587,60                          | 0,00                            | 450                                         | 132.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/MhdWFgqCayMeCNVUA">https://maps.app.goo.gl/MhdWFgqCayMeCNVUA</a> |
| 2           | Trường TH Nguyễn Bá Ngọc (Điểm lẻ)                       | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 896,00                          | 0,00                            | 450                                         | 202.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/AxSZmhGXpVky9kX6">https://maps.app.goo.gl/AxSZmhGXpVky9kX6</a>   |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Nam Trà My</b>                                     |                                                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1           | Trạm Quản lý bảo vệ rừng số 10 tại thôn Tak Pô           | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 3.110,80                        | 324,73                          | 20.822                                      | 32.387.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/Tsb4nxveuPrYc5uS6">https://maps.app.goo.gl/Tsb4nxveuPrYc5uS6</a> |
| 2           | Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp                           | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 3.604,00                        | 520,00                          | 51.606                                      | 92.994.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/o43LBH7madvTz6f19">https://maps.app.goo.gl/o43LBH7madvTz6f19</a> |
| 3           | Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Chi cục Thi hành án | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô,                                 | 60 tháng          | 1.727,00                        | 290,00                          | 39.745                                      | 34.320.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/P5FHntbZ7kaMUaYV6">https://maps.app.goo.gl/P5FHntbZ7kaMUaYV6</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                   | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | dân sự huyện Nam Trà My (cũ)                                         | bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 4  | Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam (cũ), thôn 1 | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 4.829,30                        | 961,00                          | 8.637                                       | 20.855.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/84rqtGbDCkESxW826">https://maps.app.goo.gl/84rqtGbDCkESxW826</a> |

## THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN

(Kèm theo Thông báo số 492/TB-TTPTQĐ ngày 29 / 10/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

### 11. ĐỢT 11 (12 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 11 – 224 đường Nguyễn Văn Linh, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 14h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : 224 đường Nguyễn Văn Linh, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                                                                           | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                         | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Xã Tam Xuân</b>                                                                           |                                                                                                                                                                                                          |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Cơ sở thôn Bà Bầu, xã Tam Xuân, TP Đà Nẵng                                                   | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                       | 60 tháng          | 3.465,00                        | 172,80                          | 4.031                                       | 6.984.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/ujYWD3K6LHS4hpNj9">https://maps.app.goo.gl/ujYWD3K6LHS4hpNj9</a> |
| <b>II</b> | <b>Xã Núi Thành</b>                                                                          |                                                                                                                                                                                                          |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành cũ) khối 3 cũ | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – | 60 tháng          | 675,00                          | 251,00                          | 80.320                                      | 27.108.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/P9LzLfUJ3xWdfBcD7">https://maps.app.goo.gl/P9LzLfUJ3xWdfBcD7</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất             | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                | đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                          |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 2  | Trường TH Võ Thị Sáu (cũ)      | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 3.167,50                        | 235,20                          | 12.444                                      | 19.708.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/Rth1Abm6C86kKjZK7">https://maps.app.goo.gl/Rth1Abm6C86kKjZK7</a> |
| 3  | Đất trường TH Nguyễn Trường Tộ | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 110,70                          | 53,90                           | 49.777                                      | 2.755.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/4MCJpSjiRSgTg66k9">https://maps.app.goo.gl/4MCJpSjiRSgTg66k9</a> |
| 4  | Nhà Chi cục thuế (cũ)          | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô,                                                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 155,70                          | 77,00                           | 24.105                                      | 1.877.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/USVwgxwoHrCetS4X9">https://maps.app.goo.gl/USVwgxwoHrCetS4X9</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất            | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                               | bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 5  | Đất Trường MGCL Bình Minh     | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 257,80                          | 58,00                           | 8.930                                       | 1.151.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/qMh8YHKmjQ2Pncfz9">https://maps.app.goo.gl/qMh8YHKmjQ2Pncfz9</a> |
| 6  | Đất Trường mẫu giáo Sao Mai   | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 511,40                          | 106,00                          | 33.975                                      | 8.687.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/6J19kuSWJmwumTin9">https://maps.app.goo.gl/6J19kuSWJmwumTin9</a> |
| 7  | Trạm Y tế xã Tam Quang (cũ)   | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 734,00                          | 0,00                            | 2.910                                       | 1.068.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/eRbYomQQ7pgbb9Jh6">https://maps.app.goo.gl/eRbYomQQ7pgbb9Jh6</a> |
| 8  | Đất Trường MGCL Hoa Phượng Đỏ | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 1.028,80                        | 126,40                          | 41.288                                      | 21.239.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/ZTmCJGwoReRbH5Vg7">https://maps.app.goo.gl/ZTmCJGwoReRbH5Vg7</a> |
| 9  | Đất Trường TH Lê Hồng Phong   | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 1.193,00                        | 166,00                          | 27.937                                      | 16.664.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/VivWcy1sNxV2PQEp9">https://maps.app.goo.gl/VivWcy1sNxV2PQEp9</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                  | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | Đất Trường TH Hùng Vương (Hòa Đông) | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 4.436,90                        | 204,75                          | 3.881                                       | 8.610.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/c3VLohTeDCVYrWFC9">https://maps.app.goo.gl/c3VLohTeDCVYrWFC9</a> |
| 11 | Thuế cơ sở 9                        | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 193,90                          | 81,30                           | 118.265                                     | 11.466.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/t3rcnRxvw2EnA6LW7">https://maps.app.goo.gl/t3rcnRxvw2EnA6LW7</a> |

## THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN

(Kèm theo Thông báo số 492 /TB-TTPTQĐ ngày 29 /10 /2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

### 12. ĐỢT 12 (22 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 12 – Khu Hành chính số 02, Kiệt 17 Hùng Vương, Khu Phước Mỹ, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 14h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : Khu Hành chính số 02, Kiệt 17 Hùng Vương, Khu Phước Mỹ, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng

| TT       | Tên cơ sở nhà, đất                                                                | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Xã Bến Giằng</b>                                                               |                                                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1        | Trụ sở UBND xã Cà y cũ tại thôn Pà Ong (thôn Pà Dồn cũ)                           | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 2.545,00                        | 949,00                          | 115.787                                     | 147.339.000         | <a href="https://maps.app.goo.gl/XeBA7nFV4eNhe9nC6">https://maps.app.goo.gl/XeBA7nFV4eNhe9nC6</a> |
| 2        | Nhà làm việc Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang (thuộc HKL RĐĐ Sông Thanh cũ) | Đất Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp)     | 60 tháng          | 1.200,00                        | 1.642,00                        | 76.388                                      | 45.833.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/rjAxe4YM7ExCpHaMA">https://maps.app.goo.gl/rjAxe4YM7ExCpHaMA</a> |
| 3        | Khối nhà Trung tâm Dân số - KHHGĐ huyện Nam Giang (cũ), Thôn Bến Giằng            | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô,                                 | 60 tháng          | 544,10                          | 234,60                          | 19.314                                      | 5.254.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/erDKyhEFd18EHr2q7">https://maps.app.goo.gl/erDKyhEFd18EHr2q7</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                                     | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                           |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                        | bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                     |
| 4  | Cơ sở 6 Trường PTDT Bán trú Tiểu học Cà Dy (Điểm trường thôn Cà lai (thôn Pà Păng cũ)) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 450,00                          | 147,00                          | 1.183                                       | 266.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/f86PXNXTm3w2gQWx7">https://maps.app.goo.gl/f86PXNXTm3w2gQWx7</a>   |
| 5  | Cơ sở 2 Trường Tiểu học TàBhing (Điểm trường thôn Tà Đắc (thôn Pà Tinh cũ))            | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 306,00                          | 154,00                          | 1.028                                       | 157.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/6H6ebTjCJ7poiZ5N8">https://maps.app.goo.gl/6H6ebTjCJ7poiZ5N8</a>   |
| 6  | TAND khu vực 11 - Đà Nẵng (Trụ sở TAND Huyện Nam Giang cũ)                             | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 1.167,25                        | 697,00                          | 80.417                                      | 46.933.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/BxM9qqym pZdYYfsz8">https://maps.app.goo.gl/BxM9qqym pZdYYfsz8</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                                                                   | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                     | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7  | Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Giang (cũ), thôn Bến Giăng | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 900,00                          | 251,00                          | 35.116                                      | 15.802.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/E9JEsNa427TsDX259">https://maps.app.goo.gl/E9JEsNa427TsDX259</a> |
| 8  | Cơ sở 7 Trường PTDT bán trú tiểu học Cà Dy - điểm trường thôn Cà Lai (thôn Pà Păng cũ)               | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                       | 60 tháng          | 510,00                          | 128,00                          | 3.349                                       | 854.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/ejAA1sigXaGsqybS7">https://maps.app.goo.gl/ejAA1sigXaGsqybS7</a> |
| 9  | Cơ sở 4 -Trạm đài truyền thanh, truyền hình Cà Dy                                                    | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                       | 60 tháng          | 600,00                          | 288,00                          | 822                                         | 247.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/pNDJqYLVj69Wb3bE9">https://maps.app.goo.gl/pNDJqYLVj69Wb3bE9</a> |
| 10 | Cơ sở 11-Trụ sở UBND xã Cà Dy cũ tại thôn Bến Giăng (thôn Pà Roong cũ)                               | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, | 60 tháng          | 1.088,00                        | 213,00                          | 1.712                                       | 931.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/M7m7iBxSzPEs9CVx7">https://maps.app.goo.gl/M7m7iBxSzPEs9CVx7</a> |

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                                                | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                   | môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 11        | Nhà làm việc Phòng NN&PTNT (Hạt quản lý đường bộ 14D) thôn Tà Đắc | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 3.600,00                        | 427,00                          | 475                                         | 855.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/PvuXakRK7KP2c2sD7">https://maps.app.goo.gl/PvuXakRK7KP2c2sD7</a> |
| <b>II</b> | <b>Xã Thạnh Mỹ</b>                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Cơ sở 3 UBND TT Thạnh Mỹ (cũ)                                     | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 131,00                          | 131,00                          | 46.022                                      | 3.014.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/wwUvdvypuo9LyT4v8">https://maps.app.goo.gl/wwUvdvypuo9LyT4v8</a> |
| 2         | Cơ sở 2 Ban QLDA Quỹ đất - Đô thị                                 | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 726,00                          | 840,00                          | 151.312                                     | 54.926.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/Wuj4GcK1HSJjvWMx7">https://maps.app.goo.gl/Wuj4GcK1HSJjvWMx7</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất           | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                              | bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                                    |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 3  | Nhà làm việc (Thôn Pà Dấu I) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 335,00                          | 334,63                          | 70.575                                      | 11.821.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/F3Bsa2bx47nLrT9w9">https://maps.app.goo.gl/F3Bsa2bx47nLrT9w9</a> |
| 4  | Trạm đài thị trấn Thanh Mỹ   | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa                                                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 824,10                          | 144,00                          | 29.569                                      | 12.184.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/vEUKvsb9jFmBxX7z6">https://maps.app.goo.gl/vEUKvsb9jFmBxX7z6</a> |

| TT         | Tên cơ sở nhà, đất                                                                    | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                  | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                       | hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| <b>III</b> | <b>Xã Thượng Đức</b>                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                   |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | Trạm Kiểm lâm An Diêm - Thôn 1                                                        | Đất Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp)                                                                                                                                        | 60 tháng          | 800,00                          | 100,00                          | 4.217                                       | 1.687.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/6kJ8N8Z9ct6v8VMF7">https://maps.app.goo.gl/6kJ8N8Z9ct6v8VMF7</a> |
| <b>IV</b>  | <b>Xã La Dê</b>                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                   |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | Cơ sở 3 Trường TH Liên xã La Dê                                                       | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                | 60 tháng          | 896,00                          | 205,00                          | 110.389                                     | 49.454.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/MestUviccdRPEADy6">https://maps.app.goo.gl/MestUviccdRPEADy6</a> |
| 2          | Cơ sở 5 Trường Mẫu giáo Liên xã La Dê - Đắc Tôi (Điểm Trường mẫu giáo thôn Đắc ốc cũ) | Đất cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                | 60 tháng          | 495,00                          | 248,00                          | 42.132                                      | 10.428.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/F6z1c88ShUZwQdxD9">https://maps.app.goo.gl/F6z1c88ShUZwQdxD9</a> |

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                                   | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-----------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>V</b>  | <b>Xã Vu Gia</b>                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Thuế cơ sở 6                                         | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 241,00                          | 135,63                          | 34.400                                      | 4.145.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/6aFS8Ay1cffgrh9z9">https://maps.app.goo.gl/6aFS8Ay1cffgrh9z9</a> |
| 2         | Trường TH Đại Cường (Cơ sở 3: Cụm lễ thôn Ô Gia Bắc) | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 2.271,80                        | 320,00                          | 12.787                                      | 14.525.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/2NV5xQAN4zDDtQX67">https://maps.app.goo.gl/2NV5xQAN4zDDtQX67</a> |
| <b>VI</b> | <b>Xã Bến Hiên</b>                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Văn phòng Ban - thôn A Xờ                            | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 5.000,00                        | 140,14                          | 3.315                                       | 8.288.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/hybQKeDGU6N54Yvk6">https://maps.app.goo.gl/hybQKeDGU6N54Yvk6</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                       | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Trạm Y tế xã Cà Dăng (cũ), Thôn Bến Hiên | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 500,00                          | 330,00                          | 325                                         | 81.000              | <a href="https://maps.app.goo.gl/DRNNR16Y1d2cCaDR8">https://maps.app.goo.gl/DRNNR16Y1d2cCaDR8</a> |

## THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC CƠ Ở NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN

(Kèm theo Thông báo số 492 /TB-TTPTQĐ ngày 29 / 10/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

### 13. ĐỢT 13 (34 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT)

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Từ 07h30 ngày 29/10/2026 đến 17h30 ngày 02/11/2026 (trừ thứ bảy, chủ nhật)
- Địa điểm tiếp nhận: : TTPTQĐ – Chi nhánh khu vực 14 – 02 Trưng Nữ Vương, xã Quế Sơn, thành phố Đà Nẵng
- Thời gian mở hồ sơ : Bắt đầu từ 8h30 ngày 04/11/2026
- Địa điểm mở hồ sơ : 02 Trưng Nữ Vương, xã Quế Sơn, thành phố Đà Nẵng

| TT        | Tên cơ sở nhà, đất                                            | Mục đích sử dụng                                                                           | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|-----------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Xã Việt An</b>                                             |                                                                                            |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Trường MG Hoa Phong Lan phân hiệu thôn Nhứt Đông              | Đất Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp) | 60 tháng          | 1.450,00                        | 396,00                          | 50.996                                      | 36.972.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/w68sKf5YUtVFXDsn6">https://maps.app.goo.gl/w68sKf5YUtVFXDsn6</a> |
| 2         | Trường mẫu giáo Sơn Ca phân hiệu thôn An Cường (PH An Tây cũ) | Đất Cơ sở y tế                                                                             | 60 tháng          | 570,00                          | 0,00                            | 2.136                                       | 609.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/dqxUWyyZn6Uqu99z8">https://maps.app.goo.gl/dqxUWyyZn6Uqu99z8</a> |
| <b>II</b> | <b>Xã Hiệp Đức</b>                                            |                                                                                            |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1         | Trạm y tế Hiệp Thuận cũ                                       | Đất Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp) | 60 tháng          | 1.870,00                        | 341,00                          | 77.908                                      | 72.844.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/4BfgbZkPCTWXt7kC9">https://maps.app.goo.gl/4BfgbZkPCTWXt7kC9</a> |

| TT         | Tên cơ sở nhà, đất                                       | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2          | Trạm y tế Tân An cũ                                      | Đất Cơ sở y tế                                                                                 | 60 tháng          | 600,00                          | 88,62                           | 9.268                                       | 2.780.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/NstmQKdSeQ9fs69m9">https://maps.app.goo.gl/NstmQKdSeQ9fs69m9</a> |
| <b>III</b> | <b>Xã Phước Năng</b>                                     |                                                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | Trường Mẫu giáo Hòa Mỹ (Điểm trường lẻ), Thôn 6          | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 344,40                          | 176,44                          | 85.846                                      | 14.783.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/hfME3Tx35ahYLRNG8">https://maps.app.goo.gl/hfME3Tx35ahYLRNG8</a> |
| 2          | Trường Mẫu giáo liên xã Năng Mỹ (Điểm trường lẻ), Thôn 2 | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 369,00                          | 68,00                           | 7.020                                       | 1.295.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/q8M6sA6AwMAuEpga9">https://maps.app.goo.gl/q8M6sA6AwMAuEpga9</a> |
| 3          | Trường Mẫu giáo liên xã Năng Mỹ (Điểm trường lẻ), Thôn 9 | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 583,50                          | 95,20                           | 48.032                                      | 14.013.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/6en5Zwy3JkG8iT3f9">https://maps.app.goo.gl/6en5Zwy3JkG8iT3f9</a> |
| <b>IV</b>  | <b>Xã Quế Sơn</b>                                        |                                                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 1          | Trụ sở cũ Trạm Khuyến nông - Khuyến lâm                  | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 758,00                          | 150,00                          | 20.912                                      | 7.926.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/PPLqwfpo5zMDPmP7">https://maps.app.goo.gl/PPLqwfpo5zMDPmP7</a>   |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                   | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Trường mẫu giáo Thăng Tây            | Đất Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp)                                                                                                                                                                                                       | 60 tháng          | 684,50                          | 45,00                           | 30.080                                      | 10.295.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/jHK1T8NyDYQaTcjE6">https://maps.app.goo.gl/jHK1T8NyDYQaTcjE6</a> |
| 3  | Hội Người mù huyện Quế Sơn           | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 464,00                          | 300,00                          | 125.473                                     | 29.110.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/7ngCN74bRxMiwxE17">https://maps.app.goo.gl/7ngCN74bRxMiwxE17</a> |
| 4  | Trường mẫu giáo thôn Châu Sơn 3 cũ   | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 400,00                          | 35,00                           | 8.909                                       | 1.782.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/57MgyoeyWSYwHDCK9">https://maps.app.goo.gl/57MgyoeyWSYwHDCK9</a> |
| 5  | Điểm Trường MG Đông Phú điểm Tam Hòa | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô,                                                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 382,50                          | 74,00                           | 4.784                                       | 915.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/21hr3iWCbFf4Fghb7">https://maps.app.goo.gl/21hr3iWCbFf4Fghb7</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                         | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                            | bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 6  | Trường Mẫu giáo Thôn Lạc Sơn               | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 350,00                          | 70,00                           | 3.802                                       | 665.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/nVzsVF5nNjdfmBw18">https://maps.app.goo.gl/nVzsVF5nNjdfmBw18</a> |
| 7  | Trường mẫu giáo cũ thôn Thắng Đông 2       | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 300,00                          | 60,00                           | 13.752                                      | 2.063.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/dLbdKsadHEDD39o1A">https://maps.app.goo.gl/dLbdKsadHEDD39o1A</a> |
| 8  | Trường tiểu học Quế Long (điểm Lộc Thượng) | Đất Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp)     | 60 tháng          | 3.950,00                        | 428,00                          | 10.063                                      | 19.874.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/A6jKLwRmj9UMhWfC9">https://maps.app.goo.gl/A6jKLwRmj9UMhWfC9</a> |
| 9  | Trường mẫu giáo thôn Châu Sơn              | Đất cơ sở giáo dục                                                                             | 60 tháng          | 391,00                          | 110,00                          | 85.703                                      | 16.755.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/hssYR92J5ZGDCu4L7">https://maps.app.goo.gl/hssYR92J5ZGDCu4L7</a> |
| 10 | Trường Mẫu giáo Thôn Diên Lộc Bắc          | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 1.750,00                        | 55,00                           | 2.874                                       | 2.515.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/ZiEmjUm2nRKxHMTB8">https://maps.app.goo.gl/ZiEmjUm2nRKxHMTB8</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                     | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11 | Điểm trường TH Tam Hòa, điểm Tam Hòa 1 | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 1.960,00                        | 210,00                          | 5.903                                       | 5.785.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/kHSArDxxZoM57kTK9">https://maps.app.goo.gl/kHSArDxxZoM57kTK9</a> |
| 12 | Điểm trường TH Tam Hòa, điểm Tam Hòa 2 | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 1.221,00                        | 126,00                          | 5.038                                       | 3.076.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/SrHPnEUKtDtNMXuM6">https://maps.app.goo.gl/SrHPnEUKtDtNMXuM6</a> |
| 13 | Đất Trường mẫu giáo cũ thôn Thắng Trà  | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 100,00                          | 0,00                            | 932                                         | 47.000              | <a href="https://maps.app.goo.gl/kVziZ85i4ys4Jqqj9">https://maps.app.goo.gl/kVziZ85i4ys4Jqqj9</a> |
| 14 | Hợp tác xã Nông nghiệp Quế Minh        | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 120,00                          | 120,00                          | 84.733                                      | 5.084.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/v9yfjNWP65dwC9n9A">https://maps.app.goo.gl/v9yfjNWP65dwC9n9A</a> |
| 15 | Trạm y tế (HTX)                        | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 637,00                          | 160,00                          | 11.512                                      | 3.667.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/MJKnvKnHQQQuFhir9">https://maps.app.goo.gl/MJKnvKnHQQQuFhir9</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                         | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                              | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16 | Nhà quản lý Hồ An Long 1                   | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                | 60 tháng          | 176,00                          | 80,00                           | 5.407                                       | 476.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/eDggSt4wTYZiEboe8">https://maps.app.goo.gl/eDggSt4wTYZiEboe8</a> |
| 17 | Nhà quản lý Hồ An Long 2                   | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                | 60 tháng          | 104,00                          | 41,44                           | 8.399                                       | 437.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/13dt2SBn6NGiceWk9">https://maps.app.goo.gl/13dt2SBn6NGiceWk9</a> |
| 18 | Đội quản lý trật tự xây dựng huyện Quế Sơn | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và ở). | 60 tháng          | 469,00                          | 196,00                          | 69.535                                      | 16.306.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/jjoTnubXa3anhu846">https://maps.app.goo.gl/jjoTnubXa3anhu846</a> |
| 19 | Trụ sở cũ Trạm Thú y                       | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa                                                                                                                                                                                                                                | 60 tháng          | 361,00                          | 292                             | 177.571                                     | 32.052.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/TLZDC5VgxXkrDWQZ9">https://maps.app.goo.gl/TLZDC5VgxXkrDWQZ9</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                         | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                            | hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở).                                                                |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |
| 20 | Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân Quế Sơn (cũ) | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 855,76                          | 642                             | 103.031                                     | 44.085.000          | <a href="https://maps.app.goo.gl/4kfrNJEDsDjg121U8">https://maps.app.goo.gl/4kfrNJEDsDjg121U8</a> |
| V  | Xã Quế Sơn Trung                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                 |                                 |                                             |                     |                                                                                                   |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                                | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Hợp tác xã nông nghiệp Phú Thọ                    | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)                                                                                                                                                                                                   | 60 tháng          | 420,00                          | 76,80                           | 4.065                                       | 854.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/xbDoiEpFBt3Yx8Nk7">https://maps.app.goo.gl/xbDoiEpFBt3Yx8Nk7</a> |
| 2  | Trường mẫu giáo Phú Thọ (An Phú) thôn Phú Thái cũ | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 366,00                          | 82,80                           | 4.194                                       | 768.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/DgkLkNJmas4iHm1b8">https://maps.app.goo.gl/DgkLkNJmas4iHm1b8</a> |
| 3  | Trường mẫu giáo Phú Thọ (An Phú) An Xuân          | Đất Cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                               | 60 tháng          | 306,00                          | 85,40                           | 5.198                                       | 795.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/xEiAjxhHNnkHoHF99">https://maps.app.goo.gl/xEiAjxhHNnkHoHF99</a> |
| 4  | Trường Mẫu giáo thôn Phước Thành (cũ)             | Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (không bao gồm lưu trú và để ở). | 60 tháng          | 238,00                          | 0,00                            | 998                                         | 119.000             | <a href="https://maps.app.goo.gl/gASmvmvoTkHcjvYo8">https://maps.app.goo.gl/gASmvmvoTkHcjvYo8</a> |

| TT | Tên cơ sở nhà, đất                        | Mục đích sử dụng                                                                               | Thời hạn cho thuê | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích nhà (m <sup>2</sup> ) | Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> đất/năm) | Tiền đặt cọc (đồng) | Vị trí (link google maps)                                                                         |
|----|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | Trường Mẫu Giáo Phước Dương               | Đất Cơ sở giáo dục                                                                             | 60 tháng          | 403,00                          | 60,00                           | 5.543                                       | 1.117.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/yBpnD8y74GEAjcuLA">https://maps.app.goo.gl/yBpnD8y74GEAjcuLA</a> |
| 6  | Trường Mẫu giáo Phước Dương (NVH thôn cũ) | Đất Công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe) | 60 tháng          | 2.485,00                        | 60,00                           | 830                                         | 1.031.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/e7uqmaMz3oVQvYS58">https://maps.app.goo.gl/e7uqmaMz3oVQvYS58</a> |
| 7  | Trường Mẫu Giáo thôn Phước Phú Đông       | Đất Cơ sở giáo dục                                                                             | 60 tháng          | 342,00                          | 64,00                           | 21.648                                      | 3.702.000           | <a href="https://maps.app.goo.gl/Ti3WrHUipyVLjL1h7">https://maps.app.goo.gl/Ti3WrHUipyVLjL1h7</a> |